

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG KINH BẮC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1037/UBND-KTHT&ĐT  
V/v Chấp thuận Quy hoạch  
Tổng mặt bằng Học viện  
Ngân hàng - Phân viện Bắc  
Ninh (phường Kinh Bắc, tỉnh  
Bắc Ninh).

*Kinh Bắc, ngày 5 tháng 12 năm 2025*

Kính gửi: Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội; Văn bản hợp nhất 03/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Quy hoạch do Văn phòng Quốc hội ban hành ngày 21/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 40/2019/QH14;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ - CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ đề nghị tại Tờ trình số 219/TTr-PVBN ngày 04/11/2025 của Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh về việc chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh;

Sau khi giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị kiểm tra, báo cáo, UBND phường Kinh Bắc chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh, với những nội dung sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch tổng mặt bằng Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng mặt bằng: Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh.

**2. Ranh giới, phạm vi:**

Bao gồm 04 khu, ranh giới cụ thể như sau:

- + Phía Tây Bắc giáp: Tỉnh lộ 295B.
- + Phía Tây Nam giáp: Khu dân cư, đường Nguyễn Đăng Đạo.
- + Phía Đông Bắc giáp: Khu dân cư phố Lê Văn Thịnh.
- + Phía Đông Nam: Khu dân cư khu phố Lê Quý Đôn.

**3. Quy mô diện tích lập quy hoạch:** 10.477,11m<sup>2</sup>.

**4. Mục tiêu, tính chất quy hoạch:**

- Xác định chỉ tiêu về sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu đất quy hoạch; bố trí các lô đất xây dựng công trình phù hợp với nhu cầu sử dụng; yêu cầu về kiến trúc công trình; bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai đầu tư theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp, từ đó Nhà đầu tư triển khai Dự án theo đúng kế hoạch, tiến độ cam kết với các cơ quan nhà nước cũng như làm cơ sở phân đoạn đầu tư hợp lý.

- Đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô đào tạo.

- Bổ sung không gian chức năng thiết yếu.

**5. Quy hoạch sử dụng đất:**

Tuân thủ theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 728/QĐ-TTg ngày 20/6/2023 và đồ án Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 15 (Thị Cầu - Vũ Ninh - Suối Hoa - Kinh Bắc - Tiên An - Vệ An - Ninh Xá - Đại Phúc - Võ Cường), thành phố Bắc Ninh được UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt ngày 23/7/2024, theo đó vị trí quy hoạch thuộc ô đất Đào tạo, nghiên cứu (NC6, diện tích 1.09ha, mật độ xây dựng: 40%, tầng cao tối đa: 25 tầng).

*Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất*

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH

| STT | Loại đất                                | Diện tích<br>(m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ<br>(%)   | Chỉ tiêu theo<br>QCVN<br>01:2021/BXD(%) | Chỉ tiêu theo<br>quy hoạch phân<br>khu được<br>duyet(%) |
|-----|-----------------------------------------|--------------------------------|----------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1   | Đất xây dựng công trình                 | 3.439,74                       | 32,83%         | ≤ 40                                    | ≤ 40                                                    |
| 2   | Đất cây xanh                            | 3.171,31                       | 30,27%         | ≥ 30                                    | -                                                       |
| 3   | Đất HTKT và Phụ trợ                     | 3.866,06                       | 36,90%         | -                                       | -                                                       |
|     | <b>Tổng diện tích đất quy<br/>hoạch</b> | <b>10.477,11</b>               | <b>100,00%</b> | <b>-</b>                                | <b>-</b>                                                |

BẢNG CHỈ TIÊU QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

| TT       | Loại đất                           | Ký hiệu   | Diện tích<br>xây dựng<br>(m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ<br>(%)  | Tầng<br>cao<br>tối<br>đa | Diện tích<br>sàn<br>(m <sup>2</sup> ) | Ghi<br>chú          |
|----------|------------------------------------|-----------|--------------------------------------------|---------------|--------------------------|---------------------------------------|---------------------|
| <b>I</b> | <b>ĐẤT XÂY DỰNG<br/>CÔNG TRÌNH</b> | <b>NX</b> | <b>3.439,74</b>                            | <b>32,83%</b> | <b>1-8</b>               | <b>17.486,92</b>                      |                     |
| 1        | Nhà thực hành và làm<br>việc_A1    | ĐH        | 455,00                                     | 4,34%         | 4                        | 1.820,00                              | Đã<br>XD            |
| 2        | Nhà giảng đường_D                  | LH        | 1.022,00                                   | 9,75%         | 5                        | 5.110,00                              | Đã<br>XD            |
| 3        | Nhà đa năng                        | ĐN        | 528,00                                     | 5,04%         | 5                        | 2.640,00                              | Đã<br>XD            |
| 4        | Ký túc xá_C1                       | C1        | 577,00                                     | 5,51%         | 5                        | 2.885,00                              | Đã<br>XD            |
| 5        | Nhà thư viện_B                     | TV        | 330,00                                     | 3,15%         | 5                        | 1.650,00                              | Đã<br>XD            |
| 6        | Nhà làm việc                       | LV        | 407,74                                     | 3,89%         | 8                        | 3.261,92                              | Quy<br>hoạch<br>mới |
| 7        | Nhà để xe                          | NX        | 120,00                                     | 1,15%         | 1                        | 120,00                                | Đã<br>XD            |

| II                      | ĐẤT HTKT VÀ PHỤ TRỢ          | PT+HTKT | 3.866,06  | 36,90%  | -         |               |
|-------------------------|------------------------------|---------|-----------|---------|-----------|---------------|
| 8                       | Trạm biến áp                 | TBA     | 20,00     | 0,19%   | -         | Đã XD         |
| 9                       | Bể nước hiện có              | BN      | 22,66     | 0,22%   | -         | Đã XD         |
| 10                      | Bể nước ngầm                 | BNN     | 105,00    | 1,00%   | -         | Quy hoạch mới |
| 11                      | Bãi đỗ xe                    | P       | 112,50    | 1,07%   | -         | Quy hoạch mới |
| 12                      | Sân đường, giao thông nội bộ | GT      | 3.605,90  | 34,42%  | -         | Quy hoạch mới |
| III                     | ĐẤT CÂY XANH                 | CX      | 3.171,31  | 30,27%  |           |               |
| TỔNG                    |                              |         | 10.477,11 | 100,00% | 17.486,92 |               |
| MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)     |                              |         | 32,83%    |         |           |               |
| HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LÀN) |                              |         | 1,67      |         |           |               |

Chỉ giới xây dựng:

- Phía Tây Nam cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 3.5m;
- Phía Tây Bắc cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 4.5m;

Cần đảm bảo khoảng lùi tối thiểu so với chỉ giới đường đỏ.

#### 6. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

Yêu cầu tổ chức không gian khu quy hoạch nhấn mạnh sự tuân thủ Quy hoạch Phân khu số 15 và nguyên tắc bền vững, cụ thể là tối ưu hóa bố cục công trình để cải thiện vi khí hậu, giảm thiểu nhu cầu năng lượng. Kiến trúc được định hướng theo phong cách hiện đại, hài hòa, thống nhất về màu sắc và hình thức, đồng thời tạo ra các điểm nhấn không gian mở quan trọng. Đặc biệt, khu vực phải đảm bảo tỷ lệ cây xanh tối thiểu 30% (theo QCVN 01:2021/BXD), hình thành hệ thống xanh liên tục, an toàn và có khả năng cải tạo môi trường (chống bụi, chống nóng). Việc sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi

trường và phù hợp với khí hậu nhiệt đới được ưu tiên, cùng với yêu cầu kết nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật chung và tổ chức lối tiếp cận chính từ trục đường Tây Bắc.

## **7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**

### **7.1. Quy hoạch giao thông:**

- Phát huy tối đa kết cấu hạ tầng giao thông hiện có, đảm bảo khai thác hiệu quả và phát triển bền vững.
- Phối hợp hợp lý giữa giao thông đối ngoại và giao thông nội bộ, nhằm đảm bảo tính liên kết giữa các khu vực chức năng trong khu vực
- Mạng lưới đường phù hợp với địa hình, đảm bảo các yêu cầu chỉ tiêu - kỹ thuật.
- Tổ chức hệ thống giao thông phù hợp với nhu cầu chức năng trong khu quy hoạch, tạo sự kết nối với các tuyến đường bên trong và bên ngoài khu theo quy hoạch chung của toàn tỉnh.

#### **- Hệ thống giao thông khu vực quy hoạch:**

- + Giao thông đối ngoại;
- + Tuyến đường giao thông đối ngoại tiếp giáp khu quy hoạch đường Ngô Gia Tự;

+ Giao thông đối nội: Mạng lưới đường giao thông nội bộ trong khu quy hoạch gồm các tuyến đường nội bộ đảm bảo thuận tiện bố trí các thành phần hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo đường lưu thông xe hoạt động. Các tuyến đường trong khu quy hoạch gồm có 8 Tuyến: Từ Tuyến 1 - tuyến 8: trong đó tuyến 1 và Tuyến 5 thuộc mặt cắt 1-1 có lòng đường rộng 9m, sát mép đường 2 bên là phạm vi cây xanh và phạm vi công trình. Các tuyến 2, tuyến 3, tuyến 6, tuyến 7 thuộc mặt cắt 2-2 có lòng đường rộng 6m, sát mép đường 2 bên là phạm vi cây xanh và phạm vi công trình. Tuyến 4 thuộc mặt cắt 3-3 có lòng đường rộng 5m sát mép đường 2 bên là phạm vi cây xanh và phạm vi công trình. Tuyến 8 thuộc mặt cắt 4-4 có lòng đường rộng 3,5m.

### **72. Quy hoạch san nền:**

- Đảm bảo khu vực không bị ngập úng, thoát nước mặt thuận lợi. Tạo mặt bằng thuận lợi cho đầu tư xây dựng các công trình xây dựng. Đảm bảo sự thống nhất của hệ thống thoát nước mưa trong khu vực nghiên cứu với các khu vực lân cận, không làm ảnh hưởng đến hoạt động thoát nước hiện có của khu vực lân cận. Nghiên cứu các tài liệu về hiện trạng, các cao độ không chế căn cứ theo quy hoạch được duyệt.

- Cao độ không chế cho khu quy hoạch:  $H_{xd} \geq +5,6$  m (theo hệ cao độ quốc gia)
- Cao độ thiết kế ưu tiên theo địa hình tự nhiên, tuy nhiên để đảm bảo dốc dọc đường thoát nước mưa nhanh nhất, nhiều khu vực phải tôn lên cao phù hợp cho công tác thoát nước mặt.
- Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức. Nền các lô đất được san có hướng dốc về các tuyến đường xung quanh. Độ dốc san nền các lô đất chọn tối thiểu  $i > 0.005$ .

### 7.3. Quy hoạch thoát nước mưa:

- Tuân thủ quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.
- Tận dụng địa hình tự nhiên trong quá trình thiết kế mạng lưới thoát nước mặt, đảm bảo thoát nước mặt một cách triệt để trên nguyên tắc tự chảy.
- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải.
- Nước mưa được thu gom từ dọc các tuyến đường sân đường nội bộ và cây xanh cảnh quan dẫn thoát về tuyến mương hiện trạng dẫn thoát về sông sông Ngũ Huyện Khê.
- Đường kính cống được chọn đảm bảo phù hợp để nhận lưu lượng nước mưa từ các lưu vực khác đổ về;
- Quy mô: Thiết kế mới hoàn toàn hệ thống thoát nước mặt trong phạm vi dự án. Bao gồm các tuyến cống BTCT đường kính 400 mm÷600 mm
- Bố trí các giếng thăm, giếng thu với khoảng cách 20-40 m để thuận tiện cho công tác duy tu bảo dưỡng sau này.
- Chiều sâu chôn cống tính từ mặt hoàn thiện tới đỉnh cống tối thiểu 0,5 m
- Các tuyến cống được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, đảm bảo độ dốc tối thiểu  $\geq 1/D$

### 7.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp từ đường ống hạ tầng cấp nước trên đường Ngô Gia Tự.
- Tổng lưu lượng cấp nước toàn khu làm tròn dự kiến khoảng: ~236.91 m<sup>3</sup>/ng.đ
- Nước dự trữ chữa cháy trong 03 giờ là 108,00 m<sup>3</sup> (số đám cháy xảy ra là 1 với lưu lượng mỗi đám cháy 10l/s).

### 7.5. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng:

Tổng nhu cầu cấp điện dự kiến: 630,0 KVA

Nguồn điện: Nguồn cấp điện lấy từ lưới điện trung thế 22KV hiện hữu, tại cột 02 lộ 481-E27.21.

- Mạng điện chiếu sáng được thiết kế riêng biệt với hệ thống cấp điện sinh hoạt và được điều khiển bật, tắt đèn bằng tủ điều khiển tự động.

## 7.6. Vệ sinh môi trường:

### a. Thoát và xử lý nước thải:

- Tổng nhu cầu thoát nước thải dự kiến: 202,11 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là hệ thống riêng hoàn toàn giữa nước mặt và nước thải, đảm bảo thoát nước triệt theo nguyên tắc tự chảy cho từng công trình, phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt.
- Công thoát nước thải sử dụng cống đường kính D200mm.
- Độ dốc đối với cống thoát nước thải tối thiểu là 1/D. Độ sâu chôn cống tối thiểu đối với cống thoát nước thải đặt trên vỉa hè là 0,5m, độ sâu chôn cống tối thiểu đối với cống đặt dưới lòng đường là 0,7m (tính đến đỉnh cống);
- Xử lý nước thải:
  - + Giai đoạn 1: nước thải thu gom cục bộ công trình tại các vị trí bề tự hoại dẫn về vị trí hố chờ thu gom, nước thải được bơm hút định kì đến nơi xử lý theo quy định
  - + Giai đoạn 2: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý cục bộ tại công trình dẫn đầu nối vào hệ thống thoát nước thải sinh hoạt theo định hướng quy hoạch phân khu.

### b. Chất thải rắn:

- Tiêu chuẩn thải chất thải rắn: 0,3 tấn/ha/ngày đêm.
- Tổng lượng chất thải rắn toàn khu dự kiến khoảng: 0,20Tấn/ngày
- Giải pháp quản lý chất thải rắn
  - + Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong khu quy hoạch đạt 100%.
  - + Vận chuyển rác: Dùng xe chuyên dùng để thu gom và vận chuyển rác từ các ô công cộng, đến khu xử lý rác thải tập trung của địa phương. Việc thu gom và vận chuyển rác đến nơi xử lý do đơn vị chuyên trách thực hiện.
  - + Rác thải thu gom sẽ được đơn vị có chức năng về môi trường thu gom, vận chuyển đến điểm trung chuyển hoặc khu vực xử lý tập trung theo quy định.

## 6.7. Quy hoạch hạ tầng viễn thông:

- Hệ thống thông tin liên lạc bao gồm hệ thống mạng dữ liệu, hệ thống truyền hình cáp, viễn thông.

- Việc cấp tín hiệu điện thoại đến số thuê bao được thực hiện từ tủ cáp gần nhất.

- Tổng nhu cầu thuê bao dự kiến: 8 lines

- Giải pháp quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

+ Bố trí hệ thống cống bê chờ nhằm mục đích phục vụ cho các tuyến cáp thông tin cho các nhà cung cấp dịch vụ lắp đặt;

+ Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống cống bê, trên đường nội bộ, có thể đi ngầm trực tiếp ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác.

+ Đảm bảo cung cấp được tất cả các dịch vụ Viễn thông, Công nghệ thông tin và Truyền thông tiên tiến hiện có, có khả năng mở rộng đáp ứng các nhu cầu sử dụng trong tương lai của mọi tầng lớp khách hàng, đáp ứng nhu cầu trong khu quy hoạch;

+ Ngoài ra còn có các mạng cáp: cáp truyền dữ liệu internet, ADSL, cáp truyền hình....sẽ do các nhà cung cấp dịch vụ lắp đặt nhưng phải đảm bảo cung cấp đầy đủ dịch vụ, chất lượng cao, an toàn và mỹ quan đô thị.

## **8. Quy định Quản lý theo Đồ án:**

- Việc quản lý thực hiện quy hoạch, quản lý đất đai và đầu tư xây dựng công trình cần tuân thủ theo quy hoạch và Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch chi tiết được phê duyệt và ban hành kèm theo Đồ án này. Ngoài ra còn phải tuân thủ quy định theo Luật pháp và các quy định hiện hành; Tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Chỉ giới đường đỏ và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật.

- Chỉ giới đường đỏ của ô đất được xác định tại bản vẽ Quy hoạch Tổng mặt bằng sử dụng đất và bản vẽ Quy hoạch hệ thống giao thông đồng thời phù hợp với Đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Phân khu số 15 (Thị Cầu - Vũ Ninh - Suối Hoa - Kinh Bắc - Tiên An - Vệ An - Ninh Xá - Đại Phúc - Võ Cường) của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật: Tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn quy phạm ngành và Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

## **9. Giải pháp bảo vệ môi trường:**

Trong quá trình triển khai lập dự án đầu tư, Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng

11 năm 2020 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường để thực hiện theo quy định hiện hành hoặc có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn thủ tục môi trường theo quy định.

#### 10. Các nội dung khác:

Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai quy hoạch chậm nhất trong vòng 15 ngày kể từ ngày quy hoạch tổng mặt bằng được phê duyệt; Hình thức công bố tuân thủ theo yêu cầu của Luật quy hoạch.
- Phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan triển khai các bước tiếp theo đảm bảo các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và các quy định liên quan; thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư, tiến độ dự án, chủ trương đầu tư; xác định tiền sử dụng đất của dự án (nếu có) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.
- Có giải pháp tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng đảm bảo tính đồng bộ, tuân thủ đồ án điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt, đáp ứng tiến độ đầu tư; Các nội dung vi phạm (nếu có) - chủ đầu tư phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Giao phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thẩm định, đóng dấu thẩm định và phát hành hồ sơ Quy hoạch tổng mặt bằng kèm theo Quyết định này.

Trên đây là nội dung chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Kinh Bắc và các tổ chức, cơ quan có liên quan căn cứ thi hành. *Đuyệt*

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Sở Xây dựng Bắc Ninh (b/c);
- TT Đảng ủy, HĐND phường (b/c);
- PCT UBND phường (đ/b);
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH *ly*

Nguyễn Mạnh Hiếu